

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp

Số 0200344752 ngày 5 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 5 tháng 3 năm 1999. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được sửa đổi lần gần nhất vào ngày 4 tháng 3 năm 2014.

Tại ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất này

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Hữu Quý Lâm	Chủ tịch
Ông Kek Chin Ann	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 19/5/2016)
Ông Mai Xuân Phong	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 19/5/2016)
Ông Bùi Quốc Hưng	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 19/5/2016)
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên
Ông Thái Bá Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/4/2016)
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25/4/2016)

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Quốc Việt	Trưởng ban
Ông Trần Phước Thái	Thành viên
Ông Ngô Văn Duy Nhất	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Bình	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Phạm Hữu Quý Lâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
----------------------	----------------------------

Trụ sở chính

Số 71, Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký các báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ("Công ty") theo Giấy Ủy quyền số 01/2017/UQ-HĐQT ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty và công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kê toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 35. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại

Việt Nam.



Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2017



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 20 tháng 3 năm 2017. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 2.16 của báo cáo tài chính hợp nhất cho thấy tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không ghi nhận dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do một đơn vị kiểm toán khác kiểm toán và đơn vị kiểm toán này đã phát hành báo cáo kiểm toán với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 28 tháng 3 năm 2016.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Nguyễn Phi Lan

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
0573-2013-006-1



Trần Khắc Thể

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
2043-2013-006-1

Chữ ký được ủy quyền
Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 1651
Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VNĐ	2015 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		157.901.339.878	170.043.297.574
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11.549.132.249	16.887.751.473
111	Tiền		4.549.132.249	16.887.751.473
112	Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000	-
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2.361.799.800	2.364.372.600
121	Chứng khoán kinh doanh		5.648.780.000	5.648.780.000
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(3.286.980.200)	(3.284.407.400)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		35.878.424.566	27.174.054.889
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	34.833.194.220	16.496.283.449
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		560.845.256	2.014.073.875
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	7.986.267.444	15.381.659.578
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6	(7.501.882.354)	(6.919.350.415)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		-	201.388.402
140	Hàng tồn kho	8	105.547.354.476	121.610.930.650
141	Hàng tồn kho		107.451.984.161	123.000.514.046
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.904.629.685)	(1.389.583.396)
150	Tài sản ngắn hạn khác		2.564.628.787	2.006.187.962
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	96.998.155	286.515.730
152	Thuế GTGT được khấu trừ		2.467.630.632	1.719.672.232
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		65.184.766.432	64.085.471.790
210	Các khoản phải thu dài hạn		360.000.000	296.000.000
216	Phải thu dài hạn khác		360.000.000	296.000.000
220	Tài sản cố định		62.326.109.722	60.218.326.497
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	49.793.937.520	47.686.154.295
222	Nguyên giá		133.213.538.330	123.716.899.459
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(83.419.600.810)	(76.030.745.164)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	12.532.172.202	12.532.172.202
228	Nguyên giá		12.532.172.202	12.532.172.202
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	Tài sản dở dang dài hạn		483.272.590	1.833.461.590
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	483.272.590	1.833.461.590
260	Tài sản dài hạn khác		2.015.384.120	1.737.683.703
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	1.584.708.511	1.737.683.703
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		430.675.609	-
270	TỔNG TÀI SẢN		223.086.106.310	234.128.769.364

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VNĐ	2015 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		109.712.569.244	113.256.545.610
310	Nợ ngắn hạn		109.430.069.081	112.985.259.895
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	42.808.021.982	59.721.634.346
312	Người mua trả tiền trước		1.309.446.171	2.527.371.396
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	13	6.864.723.197	6.976.712.423
314	Phải trả người lao động		5.544.076.886	9.825.374.749
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.137.772.954	2.828.837.612
319	Phải trả ngắn hạn khác		978.439.276	605.711.720
320	Vay ngắn hạn	15	40.830.720.000	21.780.000.000
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	16	5.458.254.250	5.458.254.250
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	3.498.614.365	3.261.363.399
330	Nợ dài hạn		282.500.163	271.285.715
337	Phải trả dài hạn khác		282.500.163	271.285.715
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		113.373.537.066	120.872.223.754
410	Vốn chủ sở hữu		113.373.537.066	120.872.223.754
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	50.000.000.000	50.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	15.753.387.350	15.753.387.350
418	Quỹ đầu tư phát triển	19	29.020.260.148	27.648.023.735
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19	18.599.889.568	27.470.812.669
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		17.912.458.050	13.748.448.544
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		687.431.518	13.722.364.125
440	TỔNG NGUỒN VỐN		223.086.106.310	234.128.769.364



Vũ Thị Thảo
Kế toán trưởng/Người lập



Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	432.752.845.307	439.460.172.707
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(4.284.726.177)	(7.888.569.387)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23 428.468.119.130	431.571.603.320
11	Giá vốn hàng bán	24 (342.913.807.698)	(326.674.119.795)
20	Lợi nhuận gộp	85.554.311.432	104.897.483.525
21	Doanh thu hoạt động tài chính	25 1.947.209.501	969.998.642
22	Chi phí tài chính	26 (3.237.380.907)	(1.542.607.424)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay	(961.200.984)	(597.999.981)
25	Chi phí bán hàng	27 (56.412.266.793)	(54.729.713.576)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28 (26.576.539.519)	(35.453.359.965)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.275.333.714	14.141.801.202
31	Thu nhập khác	1.225.132.924	4.925.465.932
32	Chi phí khác	(1.113.195.876)	(621.538.027)
40	Thu nhập khác - số thuần	29 111.937.048	4.303.927.905
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.387.270.762	18.445.729.107
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	30 (1.130.514.853)	(4.723.364.982)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30 430.675.609	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	687.431.518	13.722.364.125
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21 131	2.607



Vũ Thị Thảo
Kế toán trưởng/Người lập



Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	1.387.270.762	18.445.729.107
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	7.509.643.610	7.326.366.192
03	Các khoản dự phòng	1.100.151.028	(243.151.093)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	595.762.873	141.702.355
05	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	647.151.332	(4.187.099.209)
06	Chi phí lãi vay	961.200.984	597.999.981
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	12.201.180.589	22.081.547.333
09	Tăng các khoản phải thu	(10.001.074.629)	(8.659.986.293)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	15.548.529.885	(21.955.040.273)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(22.192.481.862)	16.216.213.685
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	342.492.767	(1.044.498.920)
14	Tiền lãi vay đã trả	(961.200.984)	(578.816.931)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.826.499.583)	(4.493.306.960)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(448.867.240)	(281.275.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(7.337.921.057)	1.284.836.641
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm TSCĐ	(8.888.325.035)	(10.944.839.121)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	4.099.955.322
27	Thu lãi tiền gửi	27.943.168	110.100.002
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(8.860.381.867)	(6.734.783.797)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	131.897.796.792	71.465.717.147
34	Chi trả nợ gốc vay	(113.533.752.080)	(55.756.873.256)
36	Chi trả cổ tức	(7.505.399.250)	(7.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	10.858.645.462	8.208.843.891
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(5.339.657.462)	2.758.896.735
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 16.887.751.473	14.127.622.047
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.038.238	1.232.691
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 11.549.132.249	16.887.751.473

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt khác trong năm báo gồm: mua các tài sản cố định với khoản phải trả tại cuối năm số tiền 181.647.000 Đồng Việt Nam (2015: 849.860.000 Đồng Việt Nam).

Vũ Thị Thảo
Kế toán trưởng/Người lập



Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200344752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 5 tháng 3 năm 1999. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần gần nhất cấp ngày 4 tháng 3 năm 2014.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có ba chi nhánh và một công ty con như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long tại TP Đà Nẵng, địa chỉ tại 150 Đồng Đa, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long, địa chỉ tại số 30 Lý Long Tường, Khu phố Mỹ Quang – H30, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long, địa chỉ tại số 80B Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty con	Ngành nghề chính	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng	Chế biến, bảo quản cá và các sản phẩm từ cá, thịt và các sản phẩm từ thịt, rau củ quả, sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và các mặt hàng thủy hải sản.	100%

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và công ty con là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty và công ty con có 752 nhân viên (2015: 796 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty và công ty con mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa Công ty và công ty con được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty áp dụng.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.6 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.8 Đầu tư**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này.

Lãi và lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

2.9 Tài sản cố định*Tài sản cố định hữu hình và vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4% - 17%
Máy móc thiết bị	8% - 50%
Phương tiện vận tải	10% - 25%
Dụng cụ văn phòng	14% - 50%

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.9 Tài sản cố định (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động tài sản cố định là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.14 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty và công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc. Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên, Công ty đã không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18, khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần phải lập là 6.590.676.667 Đồng Việt Nam (2015: 6.561.376.750 Đồng Việt Nam).

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.18 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

(b) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

2.19 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty hoặc công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty hoặc công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty hoặc công ty con sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty hoặc công ty con dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng thì Công ty hoặc công ty con phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản dưới hình thức thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian cho thuê đã thực hiện.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.21 Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái.

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm chủ yếu bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chi phí đóng gói và vận chuyển.

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty và công ty con chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê nhà máy; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

2.25 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.25 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong kỳ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.26 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

2.27 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty và công ty con. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty và công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty và công ty con, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.28 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)**

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty và công ty con một cách toàn diện.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Tiền mặt	296.686.063	834.286.759
Tiền gửi ngân hàng	4.252.446.186	16.053.464.714
Các khoản tương đương tiền (*)	7.000.000.000	-
	<u>11.549.132.249</u>	<u>16.887.751.473</u>

(*) Số dư các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn ban đầu không quá ba tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Mẫu số B 09 - DN

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

	2016		2015	
	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
				Dự phòng VNĐ
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội	3.142.610.000	1.353.814.000	3.142.610.000	1.460.185.100
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	2.506.170.000	1.007.985.800	2.506.170.000	904.187.500
	5.648.780.000	2.361.799.800	5.648.780.000	2.364.372.600

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa của cổ phiếu của các đơn vị đầu tư được niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**
6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (TIẾP THEO)

- (i) Phải thu từ các cá nhân liên quan đến thuế GTGT phải nộp Nhà nước là 5.458.254.250 VNĐ được ghi nhận phù hợp với bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 tháng 1 và 13 tháng 1 năm 2005 do Tòa án Nhân dân Tối cao – Tòa Phúc Thẩm tại Hà Nội ban hành. Tuy nhiên, theo đánh giá của Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi của khoản phải thu này là thấp nên đã quyết định lập dự phòng 100%.
- (ii) Khoản phải thu liên quan tới giá trị của lô nguyên vật liệu mà Công ty cho Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long vay theo các Hợp đồng số 2827/HĐ/ĐHHL, 3197/HĐ/ĐHHL và 3332/HĐ/ĐHHL đề ngày 20 tháng 11 năm 2015, 17 tháng 12 năm 2015 và 22 tháng 12 năm 2015, các phụ lục hợp đồng sau đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã bán lại lô hàng này cho Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long.

7 NỢ XẤU

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi được trình bày như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Giá gốc VNĐ	Giá trị có thể thu hồi VNĐ	Dự phòng VNĐ
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán cần lập dự phòng:			
i) Phải thu khách hàng (Thuyết minh 5)	34.833.194.220	34.175.361.318	657.832.902
ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)	7.986.267.444	1.142.217.992	6.844.049.452
	<u>42.819.461.664</u>	<u>35.317.579.310</u>	<u>7.501.882.354</u>

8 HÀNG TỒN KHO

	2016		2015	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Hàng đang đi trên đường	3.343.273.344	-	398.197.800	-
Nguyên vật liệu tồn kho	34.304.055.239	-	70.653.592.624	(902.095.480)
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.981.671.618	(837.385.413)	248.148.549	-
Chi phí SXKD dở dang	27.652.747.706	(120.989.270)	18.123.772.568	(82.832.291)
Thành phẩm tồn kho	40.170.236.254	(946.255.002)	33.576.802.505	(404.655.625)
	<u>107.451.984.161</u>	<u>(1.904.629.685)</u>	<u>123.000.514.046</u>	<u>(1.389.583.396)</u>

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	1.389.583.396	1.423.112.452
Tăng dự phòng	812.337.368	-
Hoàn nhập dự phòng	(297.291.079)	(33.529.056)
Số dư cuối năm	<u>1.904.629.685</u>	<u>1.389.583.396</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
(a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Trả trước phí bảo hiểm	16.347.786	5.763.970
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	80.650.369	280.751.760
	<u>96.998.155</u>	<u>286.515.730</u>
(b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	561.333.003	963.724.173
Xây dựng cơ bản dở dang bị xóa sổ	675.094.500	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	348.281.008	773.959.530
	<u>1.584.708.511</u>	<u>1.737.683.703</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	1.737.683.703	684.842.130
Tăng	185.066.364	2.088.113.127
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	1.350.189.000	-
Phân bổ trong năm	(1.688.230.556)	(842.125.609)
Thanh lý trong năm	-	(193.145.945)
Số dư cuối năm	<u>1.584.708.511</u>	<u>1.737.683.703</u>

(*) Trong năm, Công ty thực hiện chuyển chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã phát sinh liên quan tới việc xây dựng nhà kho thực hiện từ năm 2011 để cho thuê nhưng công trình dở dang không được hoàn thành sang chi phí trả trước dài hạn. Khoản chi phí này được phân bổ trong vòng 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	51.377.652.869	63.881.409.174	6.120.986.396	2.336.851.020	123.716.899.459	
Mua mới trong năm	-	9.227.426.835	390.000.000	-	9.617.426.835	
Xóa sổ	-	(120.787.964)	-	-	(120.787.964)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	51.377.652.869	72.988.048.045	6.510.986.396	2.336.851.020	133.213.538.330	
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	31.211.750.667	37.604.360.746	5.085.553.166	2.129.080.585	76.030.745.164	
Khấu hao trong năm	2.188.819.221	4.927.973.239	223.168.882	169.682.268	7.509.643.610	
Xóa sổ	-	(120.787.964)	-	-	(120.787.964)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	33.400.569.888	42.411.546.021	5.308.722.048	2.298.762.853	83.419.600.810	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	20.165.902.202	26.277.048.428	1.035.433.230	207.770.435	47.686.154.295	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	17.977.082.981	30.576.502.024	1.202.264.348	38.088.167	49.793.937.520	

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 76.528 triệu VNĐ (31.12.2015: 44.063 triệu VNĐ).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay là 3.681 triệu VNĐ (31.12.2015: 13.636 triệu VNĐ) (Thuyết minh 15).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016****10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)****(b) Tài sản cố định vô hình**

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Quyền sử dụng đất	12.532.172.202	12.532.172.202

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định, bao gồm:

- i) Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long cho lô đất có diện tích 10.306 m² tại lô C3-4 và C3-5 thuộc khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng với giá trị ghi sổ là 11.259 triệu Đồng Việt Nam. Vào ngày 20 tháng 7 năm 2016, Công ty đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 77/2016/VCB ĐN với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng, thế chấp quyền sử dụng lô đất này làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng, công ty con, với Ngân hàng (Thuyết minh 15);
- ii) Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long cho lô đất có diện tích 290,7 m² tại số 43/1 đường Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với giá trị ghi sổ là 729 triệu Đồng Việt Nam;
- iii) Quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng cho lô đất có diện tích 215,4 m² tại số 43/1 đường Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với giá trị ghi sổ là 544,5 triệu Đồng Việt Nam.

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Xây dựng nhà kho dở dang	42.272.590	1.392.461.590
Phần mềm tin học đang trong quá trình thử nghiệm	441.000.000	441.000.000
	<u>483.272.590</u>	<u>1.833.461.590</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	1.833.461.590	1.612.961.590
Mua sắm	-	992.150.577
Chuyển sang TSCĐ	-	(771.650.577)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 9)	(1.350.189.000)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>483.272.590</u>	<u>1.833.461.590</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Bên thứ ba	42.808.021.982	59.721.634.346

Chi tiết theo nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải trả người bán ngắn hạn như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long	6.821.645.100	8.147.448.150
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	5.610.731.000	11.538.947.255
Ông Nguyễn Văn Thọ	5.610.731.000	2.979.359.500

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Thuế GTGT	981.539.643	1.747.788.116
Thuế thu nhập doanh nghiệp	338.822.043	1.034.806.773
Thuế thu nhập cá nhân	604.518.945	649.752.972
Thuế nhà đất	109.293.314	109.293.314
Tiền thuế đất	4.830.549.252	3.435.071.248
	<u>6.864.723.197</u>	<u>6.976.712.423</u>

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2016 VNĐ	Số phải nộp trong năm VNĐ	Số đã thực nộp trong năm VNĐ	Tại ngày 31.12.2016 VNĐ
Thuế GTGT	1.747.788.116	14.046.950.523	(14.813.198.996)	981.539.643
Thuế xuất nhập khẩu	-	443.087.323	(443.087.323)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.034.806.773	1.130.514.853	(1.826.499.583)	338.822.043
Thuế thu nhập cá nhân	649.752.972	1.289.268.819	(1.334.502.846)	604.518.945
Thuế nhà đất	109.293.314	99.687.000	(99.687.000)	109.293.314
Tiền thuế đất (*)	3.435.071.248	3.395.478.004	(2.000.000.000)	4.830.549.252
Thuế môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-
	<u>6.976.712.423</u>	<u>20.413.986.522</u>	<u>(20.525.975.748)</u>	<u>6.864.723.197</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (TIẾP THEO)

(*) Khoản mục này là tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước theo Hợp đồng thuê đất số 11/HĐ/TĐ ký ngày 15 tháng 3 năm 1999 giữa Công ty và Sở Địa chính Thành phố Hải Phòng, liên quan tới ba lô đất tại địa chỉ số 39, 43A và 43B phố Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích là 62.740,2 m², thời hạn thuê đất là 40 năm kể từ ngày 1 tháng 3 năm 1999. Tiền thuê đất trả hàng năm được thông báo bởi Chi cục thuế quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	1.219.911.695	1.715.519.297
Chi phí điện, nước và các dịch vụ tiện ích khác	252.116.865	182.417.076
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	665.744.394	930.901.239
	2.137.772.954	2.828.837.612
	2.137.772.954	2.828.837.612

15 CÁC KHOẢN VAY

	Tại ngày 01.01.2016 VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tại ngày 31.12.2016 VNĐ
Vay ngắn hạn – Ngân hàng Indovina Bank – chi nhánh Hải Phòng	-	6.671.984.180	(6.671.984.180)	-	-
Vay ngắn hạn – Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	21.780.000.000	4.496.351.530	(26.276.351.530)	-	-
Vay ngắn hạn – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	120.729.461.082	(80.585.416.370)	686.675.288	40.830.720.000
	21.780.000.000	131.897.796.792	(113.533.752.080)	686.675.288	40.830.720.000
	21.780.000.000	131.897.796.792	(113.533.752.080)	686.675.288	40.830.720.000

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là các khoản vay của công ty con với ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng Tín dụng theo hạn mức số 50/2016/VCB-KHDN đề ngày 28 tháng 4 năm 2016 với hạn mức tín dụng 40.000.000.000 Đồng Việt Nam và thời hạn tín dụng đến ngày 30 tháng 6 năm 2017. Lãi suất của các khoản vay theo hợp đồng này không cố định và được thông báo theo từng lần giải ngân, lãi suất của các khoản vay năm 2016 từ 3.0% đến 3.2%.

Hợp đồng Tín dụng theo hạn mức này được bảo đảm bằng tài sản thế chấp bao gồm i) các tài sản cố định hữu hình với tổng giá trị được định giá là 4.075 triệu Đồng Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 41/2016/VCB-ĐN đề ngày 28 tháng 4 năm 2016 và ii) quyền sử dụng đất số AN 104068 cho lô đất có diện tích 10.306 m² tại thửa đất số 3 tại địa chỉ lô C3-4 và C3-5 thuộc khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11 tháng 5 năm 2009 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 77/2016/VCB-ĐN đề ngày 20 tháng 7 năm 2016. Trong năm, các khoản vay theo hợp đồng tín dụng này được giải ngân bằng đồng Đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản vay của hợp đồng này 1.792.000 Đô la Mỹ (tương đương 40.830.720.000 Đồng Việt Nam).

16 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

16 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Dự phòng phải trả ngắn hạn	5.458.254.250	5.458.254.250

Dự phòng phải trả ngắn hạn phản ánh dự phòng cho số thuế giá trị gia tăng phải nộp Ngân sách Nhà nước theo bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005 do Tòa án Nhân dân Tối cao – Tòa Phúc Thẩm tại Hà Nội ban hành (Thuyết minh số 6).

17 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	3.261.363.399	2.559.855.698
Trích từ lợi nhuận sau thuế (Thuyết minh 19)	686.118.206	882.782.701
Sử dụng quỹ trong năm	(448.867.240)	(181.275.000)
Tại ngày 31 tháng 12	3.498.614.365	3.261.363.399

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2016 Cổ phiếu phổ thông	2015 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2016		2015	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn nhà nước	1.387.360	27,75	1.387.360	27,75
Phần vốn của các đối tượng khác	3.612.640	72,25	3.612.640	72,25
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	100	5.000.000	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu thường VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Mẫu số B 09 - DN

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển (*) VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	50.000.000.000	15.753.387.350	24.999.675.631	24.879.579.349	115.632.642.330
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	13.722.364.125	13.722.364.125
Trích vào các quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.648.348.104	(2.648.348.104)	-
Trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(882.782.701)	(882.782.701)
Chia cổ tức	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Trích thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	50.000.000.000	15.753.387.350	27.648.023.735	27.470.812.669	120.872.223.754
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	687.431.518	687.431.518
Trích vào quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	1.372.236.413	(1.372.236.413)	-
Trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(686.118.206)	(686.118.206)
Chia cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	50.000.000.000	15.753.387.350	29.020.260.148	18.599.889.568	113.373.537.066

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2016, cổ đông của Công ty đã phê duyệt trích lập 1.372.236.413 Đồng Việt Nam vào Quỹ đầu tư và phát triển trong phần vốn chủ sở hữu nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai và trích lập 686.118.206 Đồng Việt Nam vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**
20 CỔ TỨC

Biến động của cổ tức phải trả trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	58.702.000	58.702.000
Cổ tức phải trả trong năm - Thuyết minh 18 (*)	7.500.000.000	7.500.000.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(7.505.399.250)	(7.500.000.000)
	<u>53.302.750</u>	<u>58.702.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12	<u>53.302.750</u>	<u>58.702.000</u>

(*) Trong năm, Công ty thực hiện chia cổ tức căn cứ theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2016/BB-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2016 là 15% (tương đương 1.500 VNĐ trên một cổ phiếu phổ thông nắm giữ).

21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	687.431.518	13.722.364.125
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(34.371.576)	(686.118.206)
	<u>653.059.942</u>	<u>13.036.245.919</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>5.000.000</u>	<u>5.000.000</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>131</u>	<u>2.607</u>

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ kết quả kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 dự tính là 5% lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ và phụ thuộc vào phê duyệt của cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Ngoại tệ các loại	206.618.268	209.180.101

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm bao gồm số ngoại tệ là 9.384 Đô la Mỹ (31.12.2015: 9.463 Đô la Mỹ).

23 DOANH THU

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	430.958.359.783	438.613.608.862
Doanh thu cho thuê kho	1.794.485.524	846.563.845
	<u>432.752.845.307</u>	<u>439.460.172.707</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(4.284.726.177)	(7.649.126.967)
Hàng bán bị trả lại	-	(239.442.420)
	<u>(4.284.726.177)</u>	<u>(7.888.569.387)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>428.468.119.130</u>	<u>431.571.603.320</u>

24 GIÁ VỐN

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Giá vốn của thành phẩm đã bán	342.398.761.409	326.667.465.323
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	40.183.528
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	515.046.289	(33.529.056)
	<u>342.913.807.698</u>	<u>326.674.119.795</u>

25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Lãi tiền gửi	27.943.168	60.299.002
Cổ tức được chia từ các đơn vị đầu tư	-	49.801.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.919.266.333	859.898.640
	<u>1.947.209.501</u>	<u>969.998.642</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Lãi tiền vay	961.200.984	597.999.981
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.583.595.261	1.084.682.119
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	595.762.873	141.702.355
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.572.800	(284.923.000)
Khác	94.248.989	3.145.969
	<u>3.237.380.907</u>	<u>1.542.607.424</u>

27 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí nhân viên	29.929.832.053	30.391.376.376
Chi phí khấu hao TSCĐ	150.087.890	291.950.201
Chi phí vận chuyển	10.291.127.916	9.952.526.588
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	7.698.946.762	6.648.255.263
Chi phí quảng cáo, tiếp thị bán hàng	4.138.279.713	2.598.405.900
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.825.106.757	2.552.323.825
Chi phí khác	2.378.885.702	2.294.875.423
	<u>56.412.266.793</u>	<u>54.729.713.576</u>

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí nhân viên	11.737.144.760	15.544.017.646
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.116.369.431	1.428.044.338
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	5.467.898.328	7.007.739.256
Thuế, phí, lệ phí	3.502.065.004	3.646.673.187
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	582.531.939	75.300.963
Chi phí khác	4.170.530.057	7.751.584.575
	<u>26.576.539.519</u>	<u>35.453.359.965</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

29 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Thu nhập khác		
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	4.076.999.207
Khác	1.225.132.924	848.466.725
	<u>1.225.132.924</u>	<u>4.925.465.932</u>
Chi phí khác		
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 9)	675.094.500	-
Khác	438.101.376	621.538.027
	<u>1.113.195.876</u>	<u>621.538.027</u>
Thu nhập khác – số thuần	<u>111.937.048</u>	<u>4.303.927.905</u>

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2016 (2015: 22%). Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty và công ty con khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 20% (2015: 22%) được thể hiện như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.387.270.762	18.445.729.107
Thuế tính ở thuế suất 20% (2015: 22%) Điều chỉnh:	277.454.152	4.058.060.404
- Chi phí không được khấu trừ	234.647.180	569.983.106
- Thu nhập không chịu thuế	-	(10.956.220)
- Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	160.344.898	-
- Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	27.393.014	(211.926.080)
- Dự phòng thiếu của năm trước	-	318.203.772
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>699.839.244</u>	<u>4.723.364.982</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành (*)	1.130.514.853	4.723.364.982
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	(430.675.609)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>699.839.244</u>	<u>4.723.364.982</u>

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016	2015
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	299.016.202.879	304.188.812.769
Chi phí nhân công	76.688.206.838	77.569.125.253
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.509.643.610	7.326.366.192
Chi phí gia công	19.825.880.292	8.074.012.988
Chi phí vận chuyển	10.291.127.916	9.952.526.588
Chi phí hỗ trợ nhà phân phối	7.698.946.762	6.648.255.263
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	9.888.264.870	13.158.462.198
Các chi phí khác bằng tiền	14.938.344.248	18.478.869.660
	<u>445.856.617.415</u>	<u>445.396.430.911</u>

32 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Doanh thu chính của Công ty và công ty con là từ sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh (Thuyết minh số 23). Doanh thu, giá vốn bộ phận theo vị trí địa lý được trình bày như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2016		
	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Doanh thu thuần	284.017.795.361	144.450.323.769	428.468.119.130
Giá vốn	(204.856.248.127)	(138.057.559.571)	(342.913.807.698)
Lợi nhuận gộp	<u>79.161.547.234</u>	<u>6.392.764.198</u>	<u>85.554.311.432</u>
	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015		
	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Doanh thu thuần	332.631.126.203	98.940.477.117	431.571.603.320
Giá vốn	(234.852.757.583)	(91.821.362.212)	(326.674.119.795)
Lợi nhuận gộp	<u>97.778.368.620</u>	<u>7.119.114.905</u>	<u>104.897.483.525</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
<i>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	3.310.098.939	3.048.092.496
<i>Các hoạt động tài chính</i>		
Chia cổ tức cho cổ đông (Thuyết minh 20)	7.500.000.000	7.500.000.000

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
<i>Các khoản phải trả ngắn hạn khác</i>		
Cổ tức phải trả cho cổ đông (Thuyết minh 20)	53.302.750	58.702.000

34 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Dưới 1 năm	784.500.000	250.750.000
Từ 1 đến 5 năm	810.000.000	-
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	1.594.500.000	250.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016****35 CAM KẾT VỐN**

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Mua máy móc, thiết bị	-	3.138.740.640
Mua phần mềm Hệ thống quản trị nguồn lực của Doanh nghiệp	294.000.000	294.000.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	294.000.000	3.432.740.640

Các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 20 tháng 3 năm 2017.



Vũ Thị Thảo
Kế toán trưởng/Người lập



Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc